

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển Đại học Luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ luật giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội, nay là Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 05 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Xét biên bản họp Hội đồng tuyển sinh khoá 7 - VB2 (2015 – 2018) Đại học Luật hình thức vừa làm vừa học mở tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh ngày 10 tháng 7 năm 2015;

Theo đề nghị của Trường Khoa Đào tạo tại chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 75 (Bảy mươi lăm) thí sinh trúng tuyển vào học khoá 7 - VB2 (2015 – 2018) Đại học Luật hình thức vừa làm vừa học mở tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Công nhận 12 (Mười hai) thí sinh có bằng Thạc sĩ các ngành khác, thuộc diện tuyển thẳng vào học khoá 7 - VB2 (2015 – 2018) Đại học Luật hình thức vừa làm vừa học mở tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Trường khoa Đào tạo tại chức, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Ban quản lý khoá học và những thí sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Giáo dục ĐH-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Vụ TCCB-Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các Phó hiệu trưởng (để biết);
- Tr. ĐTCB Nguyễn Văn Cừ tỉnh QN;
- Lưu VT, ĐTTC.

HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
HÀ NỘI
*Phan Chí Hiếu

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LUẬT HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

MỞ TẠI VB2-TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ QUẢNG NINH (K7) (2015-2018)

Kèm theo QĐ số: 1803 /QĐ-ĐHLHN ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

Trang 1

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	U.T	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
1	00001	Hoàng Thị Vân Anh	21/08/92	Nữ	Quảng Ninh	TSTD		5.00	5.00	10.00	
2	00002	Nguyễn Thị Ngọc Anh	07/07/86	Nữ	Quảng Ninh	Văn hóa thông tin phường Hà Tu	01	5.00	5.00	10.00	
3	00003	Nguyễn Tuấn Anh	02/05/85		Quảng Ninh	TT CNTT & Truyền thông tỉnh Quảng Ninh	01	7.50	5.00	12.50	
4	00005	Nguyễn Thị Bích	22/06/85	Nữ	Thái Bình	Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Đồn	01	5.00	7.00	12.00	
5	00006	Hà Văn Bình	24/09/86		Quảng Ninh	Công ty TNHH và TV Hà Bình		5.00	5.00	10.00	
6	00007	Nguyễn Thị Chiên	08/02/88	Nữ	Hải Dương	UBND P. Hồng Hải, Hạ Long QN	02	5.00	5.00	10.00	
7	00008	Nguyễn Văn Chính	28/06/89		Quảng Ninh	Phường Tân An, Quảng Yên, QN		4.00	6.00	10.00	
8	00009	Đào Đức Chung	05/11/75		Quảng Ninh	Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Quảng Ninh	01	6.00	5.00	11.00	
9	00010	Đặng Văn Cương	20/10/89		Hải Phòng	ALSBAINH chính nhánh Hải Phòng	02	7.50	5.00	12.50	
10	00011	Nguyễn Xuân Cường	27/01/78		Quảng Ninh	P. Hà Khẩu, Hạ Long, Quảng Ninh	01	4.50	4.00	8.50	
11	00012	Nguyễn Viết Cường	31/10/90		Quảng Ninh	Đội kiểm lâm cơ động và PCCC		7.00	6.00	13.00	
12	00013	Vũ Đình Cường	20/04/80		Quảng Ninh	Phường Hồng Gai, Hạ Long, QN		4.00	5.00	9.00	
13	00015	Trần Mạnh Duy	19/09/91		Quảng Ninh	UBND phường Bạch Đằng		5.00	6.00	11.00	
14	00016	Nguyễn Văn Dũng	01/09/90		Quảng Ninh	Đội kiểm lâm CĐ	02	6.50	5.00	11.50	
15	00017	Nguyễn Văn Dũng	18/12/80		Quảng Ninh	Phòng địa chính phường Hà Khẩu, Hạ Long	02	5.50	5.00	10.50	
16	00018	Bùi Thị Thùy Dương	15/03/86	Nữ	Thái Bình	Phường Cẩm Đồng, Cẩm Phả, QN		7.50	5.00	12.50	
17	00019	Lê ánh Thùy Dương	18/10/91	Nữ	Quảng Ninh	Văn phòng thừa phát lại Cẩm Phả		5.50	6.00	11.50	
18	00020	Trần Văn Dương	06/10/80		Thái Bình			4.50	5.00	9.50	
19	00021	Ngô Viết Đạt	20/05/90		Quảng Ninh	Xã Hoàng Tân, Quảng Yên, QN		6.00	7.00	13.00	
20	00023	Vũ Tiến Đạt	11/11/88		Hưng Yên	Cảng vụ Quảng Ninh		5.50	6.00	11.50	
21	00025	Vũ Minh Đoàn	16/10/80		Quảng Ninh	Công ty đóng tàu Hạ Long	01	5.50	4.50	10.00	
22	00026	Đàm Thanh Đông	16/12/90		Quảng Ninh	Hạt kiểm Lâm Hoàn Bồ	01	6.00	6.00	12.00	
23	00027	Hoàng Anh Đức	01/09/84		Quảng Ninh	Phòng địa chính phường Giếng Đáy	01	4.50	4.00	8.50	
24	00028	Mai Trung Đức	03/09/90		Quảng Ninh	Phường Hà Khẩu, Hạ Long, QN		4.00	3.00	7.00	
25	00029	Phạm Bằng Giang	03/08/88		Quảng Ninh	Hạt kiểm Lâm Đông Triều	02	6.00	6.00	12.00	
26	00031	Ngô Ngân Hà	27/07/86	Nữ	Quảng Ninh	Trường THCS TT Bình Liêu	01	7.00	5.00	12.00	
27	00032	Trần Thu Hà	25/07/90	Nữ	Quảng Ninh	Tòa án TP Cẩm Phả		6.50	5.00	11.50	



[Handwritten signature]

[Handwritten mark]

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	U.T	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
28	00033	Vương Thị Thái	Hà	17/10/93	Nữ	Quảng Ninh	Phường Hồng Hà, Hạ Long, QN		5.00	5.00	10.00	
29	00036	Nguyễn Thị Thuý	Hàng	09/12/86	Nữ	Quảng Ninh	P. Quảng Yên, TX Quảng Yên, QN		5.00	5.00	10.00	
30	00038	Đặng Thị Thu	Hiền	25/12/92	Nữ	Quảng Ninh	Lao động tự do		7.50	6.00	13.50	
31	00041	Dương Văn	Huyền	25/06/87		Quảng Ninh	Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn		4.50	5.50	10.00	
32	00042	Nguyễn Thị	Huyền	03/05/82	Nữ	Hải Dương	Cty Đại dương		5.00	6.00	11.00	
33	00044	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/04/78	Nữ	Quảng Ninh	Công ty CP SX&TM than Uông Bí	01	4.50	5.00	9.50	
34	00046	Phan Thị	Huyền	26/04/86	Nữ	Thái Bình	Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Quảng Ninh	01	4.50	5.00	9.50	
35	00047	Lê Tiến	Hùng	30/09/76		Thanh Hóa	Nhân viên CT xăng dầu B12		5.00	3.00	8.00	
36	00048	Hoàng Thị Lan	Hương	23/11/82	Nữ	Quảng Ninh	Trường mẫu giáo Lục Hồn, Bình Liêu	01	6.00	5.00	11.00	
37	00050	Trần Thị Mai	Hương	24/08/92	Nữ	Quảng Ninh	Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long		4.50	5.00	9.50	
38	00051	Trần Thị	Hương	28/08/86	Nữ	Quảng Ninh	Cty TNHH TMDV lữ hành Saigontourist tại QN	02	5.00	6.00	11.00	
39	00052	Nguyễn Thị Thu	Hương	15/01/71	Nữ	Quảng Ninh	Trung tâm y tế than khu vực Vàng Danh	01	4.00	5.00	9.00	
40	00053	Nguyễn Văn	Lê	25/12/75		Thái Bình	Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh	01	5.00	5.00	10.00	
41	00054	Cao Thanh	Long	06/04/91		Hải Phòng	Phường Đông Hải, An Hải, Hải Phòng		6.00	5.00	11.00	
42	00055	Phạm Ngọc	Mai	25/06/88	Nữ	Hải Phòng	Văn phòng UBND tỉnh QN		5.00	5.00	10.00	
43	00056	Vũ Thị	Mận	20/05/86	Nữ	Nam Định	Cty TM dịch vụ tin học Ngôi sao	01	5.00	5.00	10.00	
44	00057	Vũ Văn	Minh	27/10/77		Nam Định	UBND tỉnh Quảng Ninh		5.00	6.00	11.00	
45	00058	Đình Phong	Nam	30/07/92		Quảng Ninh	Phường Cẩm Đông, Cẩm Phả, QN		5.00	5.00	10.00	
46	00059	Vũ Thị	Na	23/05/83	Nữ	Thái Bình	Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Quảng Ninh	01	4.00	5.00	9.00	
47	00060	Nguyễn Thị Thanh	Nga	26/05/82	Nữ	Quảng Ninh	Liên đoàn lao động thị xã Quảng Yên	01	5.00	5.50	10.50	
48	00062	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	13/08/79	Nữ	Quảng Ninh	Trường THCS Tỉnh Húc, Bình Liêu	01	7.50	6.00	13.50	
49	00063	Phạm Thị Thanh	Nhàn	11/05/80	Nữ	Quảng Ninh	Cty TM dịch vụ tin học Ngôi sao		4.50	6.00	10.50	
50	00064	Nguyễn Hữu	Nhân	05/08/88		Thái Bình	Đội quản lý thị trường số 7		5.00	5.00	10.00	
51	00067	Nguyễn Thị Lê	Phương	26/09/82	Nữ	Quảng Ninh	Cty TM dịch vụ tin học Ngôi sao	01	4.00	6.00	10.00	
52	00070	Phạm Thái	Son	16/06/86		Quảng Ninh	Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ninh		6.00	5.00	11.00	
53	00071	Vũ Phương	Thanh	13/01/83	Nữ	Quảng Ninh	Văn thư - Tòa án nhân dân TP. Hạ Long	01	6.00	5.00	11.00	
54	00072	Phan Đình	Thái	19/02/92		Quảng Ninh	Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ		5.00	5.00	10.00	
55	00074	Nguyễn Văn	Thắng	15/12/79		Hải Phòng	P. Hà Khẩu, Hạ Long, Quảng Ninh		4.50	6.00	10.50	
56	00075	Vũ Văn	Thịnh	20/01/80		Quảng Ninh	Cty TM dịch vụ tin học Ngôi sao	01	4.00	5.00	9.00	
57	00076	Bùi Đức	Thọ	26/06/86		Quảng Ninh	TNCS HCM phường Tuần Châu	01	6.00	4.00	10.00	
58	00077	Loan Hồng	Thơm	20/08/83	Nữ	Quảng Ninh	Trường Mầm non Tỉnh Húc	01	5.50	7.00	12.50	
59	00078	Mạc Thị Diệu	Thu	09/08/90	Nữ	Hải Dương	Lao động tự do		5.00	5.00	10.00	
60	00079	Vũ Thị	Thu	03/08/81	Nữ	Quảng Ninh	Thanh tra huyện Cô Tô	02	4.50	5.00	9.50	

Trang 5

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
61	00080	Phạm Thị Thanh	Thủy	09/11/86	Nữ	Hải Phòng	UBND phường Hà Tu, Hạ Long	01	4.50	5.00	9.50	
62	00081	Trần Thị Thu	Thủy	21/06/75	Nữ	Quảng Ninh	Trường THCS Đồng Lâm, Hoành Bồ		4.00	5.00	9.00	
63	00082	Vũ Thị	Thủy	24/05/81	Nữ	Quảng Ninh	UBND phường Cao Xanh, Hạ Long	01	5.50	4.00	9.50	
64	00084	Nguyễn Tuấn	Trung	08/12/91		Quảng Ninh	Doanh nghiệp Tư nhân Đức Chung		5.00	6.50	11.50	
65	00085	Đỗ Văn	Trường	20/10/79		Quảng Ninh	Cty chi nhánh Viettel Quảng Ninh	01	4.00	5.00	9.00	
66	00086	Đỗ Quang	Tuấn	12/10/82		Quảng Ninh	UBND P.Quan Lạn Vạn Đồn QN	02	5.50	5.00	10.50	
67	00088	Nguyễn Thị	Tuyến	01/02/85	Nữ	Hải Phòng	Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Quảng Ninh	01	6.00	5.00	11.00	
68	00089	Vũ Anh	Tú	10/11/91		Quảng Ninh	Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ninh		5.00	5.00	10.00	
69	00091	Phạm Thanh	Tùng	17/12/78		Quảng Ninh	Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh		6.00	3.00	9.00	
70	00094	Lê Văn	Vĩnh	19/02/83		Quảng Ninh	Cty TM dịch vụ tin học Ngôi sao		5.50	3.00	8.50	
71	00096	Nguyễn Văn	Bình	13/08/79					5.00	5.00	10.00	
72	00097	Bùi Ngọc	Điệp	22/12/91	Nữ				5.50	5.00	10.50	
73	00098	Nguyễn Minh	Hoa	14/12/85					6.00	6.00	12.00	
74	00099	Phạm Thị Hải	Ninh	/ /	Nữ				4.50	5.00	9.50	
75	00100	Đào Thị	Yến	19/08/86	Nữ				4.50	5.00	9.50	
76	00300	Lê Thị Thu	Hà	08/05/84	Nữ	Quảng Ninh	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ		.	.	.	Miễn thi
77	00301	Đỗ Thu	Hằng	23/01/80	Nữ	Quảng Ninh	Phòng nông nghiệp & PTNT Hoành Bồ		.	.	.	Miễn thi
78	00302	Nguyễn Mạnh	Hiếu	25/03/76		Quảng Ninh	Văn phòng UBND tỉnh		.	.	.	Miễn thi
79	00303	Lại Thái	Hoàn	12/08/77		Quảng Ninh	Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Quảng Ninh		.	.	.	Miễn thi
80	00304	Vũ Thị Hồng	Quyên	10/12/76	Nữ	Quảng Ninh	Chi nhánh Sài Gòn tourist tại Hạ Long		.	.	.	Miễn thi
81	00305	Trần Ngọc	Son	12/07/79		Nam Định	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ		.	.	.	Miễn thi
82	00306	Nguyễn Thị Thúy	Vân	12/05/84	Nữ	Quảng Ninh	Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Quảng Ninh		.	.	.	Miễn thi
83	00307	Phạm Văn	Đạt	30/08/87		Quảng Ninh	Kho bạc nhà nước Quảng Ninh		.	.	.	Miễn thi
84	00308	Nguyễn Thị	Hòa	12/05/79	Nữ	Quảng Ninh	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ		.	.	.	Miễn thi
85	00309	Lê Minh	Quang	26/03/82		Quảng Ninh	UBND TP. Uông Bí		.	.	.	Miễn thi
86	00310	Ngô Đình	Thuận	01/12/77	Nữ	Hải Phòng	Trường ĐT CB Nguyễn Văn Cừ		.	.	.	Miễn thi
87	00311	Nguyễn Thế	Thắng	22/04/82		Quảng Nam	Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh		.	.	.	Miễn thi

CỘNG TRƯỞNG QN7C1 : 87 THÍ SINH



TS. Phan Chí Kiên